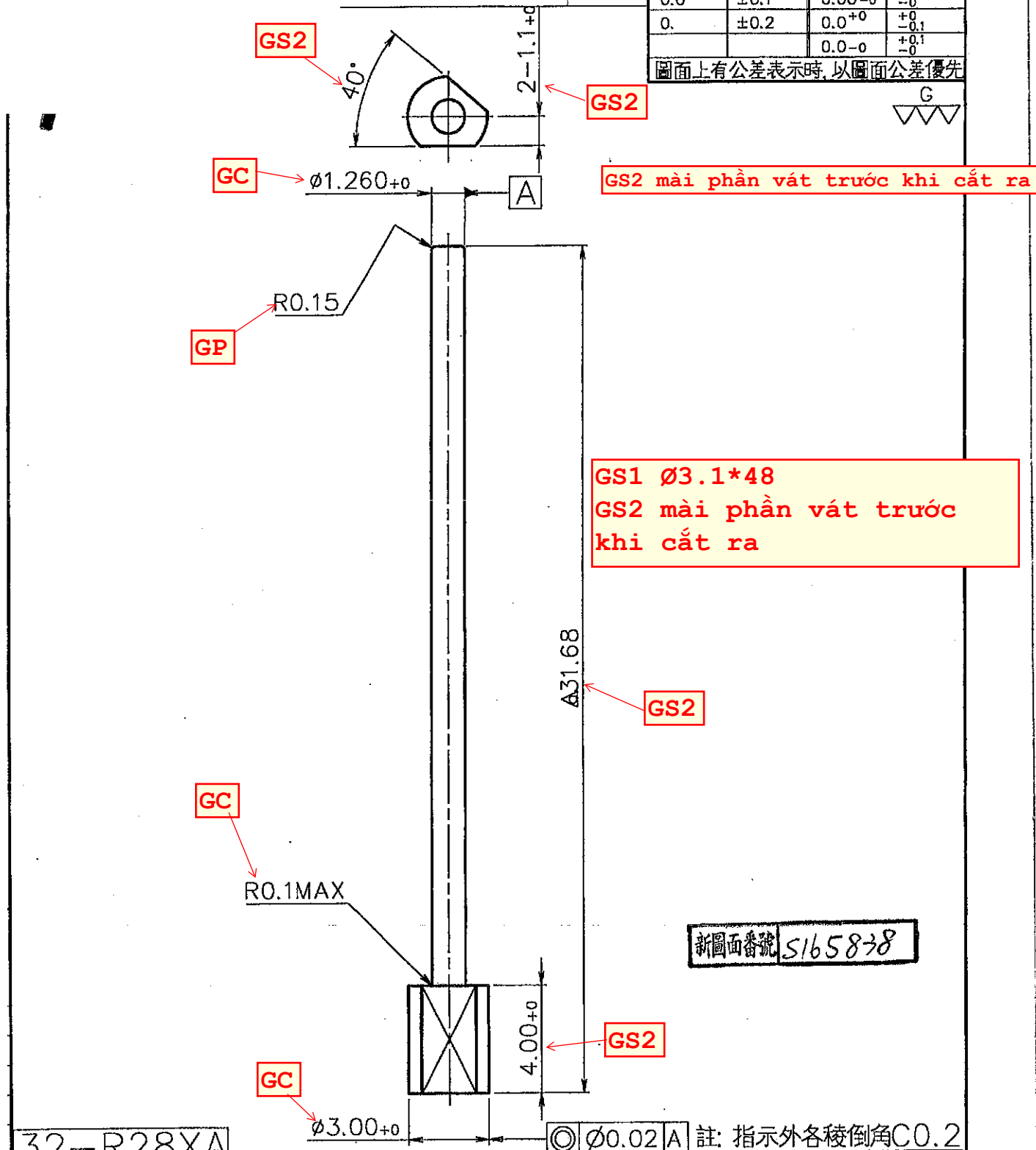
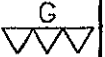


訂正 Rev	圖 付	記 事	擔 當	金 型 加 工 公 差 表 示			
1	2001/06/07	製品寸法NC設定(31.70→31.68).	莊木村	0.0000	±0.002	0.000 <sup>+0</sup>	±0.005
2	2001/11/16	既存設備S-No化作成	張濟華	0.000	±0.005	0.000-0	±0.005
				0.00	±0.01	0.00 <sup>+0</sup>	±0.01
				0.0	±0.1	0.00-0	±0.01
				0.	±0.2	0.0 <sup>+0</sup>	±0.1
						0.0-0	±0.1

圖面上有公差表示時,以圖面公差優先



GS1 Ø3.1\*48  
GS2 mài phần vát trước khi cắt ra

新圖面番號 5165838

32-R28XA

◎ Ø0.02 A 註: 指示外各稜倒角C0.2

部 品 名		材 質		數 量		設 備 名 稱							
可動側入子		SKH51		64		電刷固定座模具							
熱 處 理		表 面 處 理		檢 圖		設 計		製 圖		日 期		共通部品番號	
燒入 燒灰 HRC 61~63				莊木村		蘇桂鴻		蘇桂鴻		2001/03/07			
尺 度		第三圖面 角法番號		MS02-028T-00-1-223-AA								訂正 REV	
5:1 ( / )												b	
M66949.DWG													

M66949.DWG

華洲電機工業股份有限公司.2

414.1050124

SNO: **S165838**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
<b>1.VẬT LIỆU:</b> <b>SKH51</b> <b>Ø3.1*50</b>	GS1:10 GC:40 GS2:30 GP:15 KT